

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày 20-6-2024

Về việc: “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA,
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2 Bà Vũ Thị Phương Hạnh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Lê Anh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Như Đ – Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 04 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Duy C, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1964. Địa chỉ: Tổ F, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22-3-2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Duy C trình bày:

- Về hôn nhân: Ông C và bà C1 chung sống vợ chồng từ năm 1996, chung sống tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND phường P (nay là xã T), thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Sau khi cưới vợ chồng xuống Vũng Tàu thuê nhà bán hàng, được 2-3 tháng do mâu thuẫn ông C về lại xã T sinh sống, bà C1 vẫn bán hàng ở Vũng Tàu, bà C1 cũng có nhà riêng ở xã T và vẫn sinh sống trong căn nhà này. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, không hòa hợp, hay cãi chửi nhau. Mâu thuẫn phát sinh trong quá trình buôn bán, việc nuôi dạy con cái, trong sinh hoạt gia đình, đối xử với gia đình hai bên, vợ chồng đã ly thân hơn 10 năm. Cuộc sống đã không hạnh phúc nhiều năm, tình cảm vợ chồng không còn, bà C1 theo đạo công giáo nên không muốn làm đơn ly hôn. Do vậy, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà C1.

- Về con chung: Ông C và bà C1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Duy B, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/11/2009. Cháu B đã trưởng thành phát triển bình thường, ông C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu T gia đình ông C đã gửi cho 01 nhà dòng trên Quận G, thành phố Hồ Chí Minh để theo học lớp 9, ông C chu cấp tiền bạc, cuộc sống tốt bảo đảm về mọi mặt. Ly hôn, ông C đồng ý giao cháu T cho bà C1 nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông C không yêu cầu giải quyết

Theo bản tự khai và đơn xin hòa giải, xét xử vắng mặt ngày 28-5-2024, trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị C1 trình bày:

- Về hôn nhân: Bà C1 đồng ý về thời gian và điều kiện kết hôn như ông C trình bày. Vợ chồng có tổ chức đám cưới, đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND phường P (nay là xã T), thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau khi cưới thì sinh sống tại xã T, thành phố B. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh đã lâu. Nguyên nhân do ông C có người phụ nữ khác, khoảng 4 năm về trước ông C có đánh đuổi bà C1 vì mâu thuẫn con cái, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, việc gia đình ông C không lo được, chỉ một mình bà C1 lo, vợ chồng đã ly thân khoảng 8 năm, cuộc sống của ai mạnh người đó tự lo. Ông C yêu cầu ly hôn thì bà C1 không đồng ý vì bà C1 là người công giáo.

- Về con chung: Bà C1 và ông C có 02 con chung tên Nguyễn Thị Duy B, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/11/2009. Cháu B đã trưởng thành phát triển bình thường, bà C1 không có yêu cầu giải quyết. Cháu T đang học nhà dòng ở thành phố Hồ Chí Minh. Bà C1 yêu cầu nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà C1 không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, tiến

hành thu thập đủ chứng cứ. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

- Về việc giải quyết vụ án: Vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, không tự giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C. Về con chung: Giao con chung là cháu T cho bà C1 trực tiếp nuôi dưỡng, cháu B đã trưởng thành không giải quyết. Không giải quyết về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung. Ông C phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng, thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Duy C có đơn khởi kiện xin ly hôn, yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Hiện nay bà Nguyễn Thị C1 đang cư trú tại thành phố B. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà C1 có đơn xin xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà C1.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị C1 chung sống vợ chồng từ năm 1996, chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1996 tại UBND phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Do vậy, hôn nhân giữa ông C và bà C1 là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã T, thành phố B. Ông C và bà C1 đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong việc nuôi dưỡng con cái, mâu thuẫn về tình cảm. Tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, cuộc sống của ai người đó tự lo, đã ly thân trong thời gian dài. Bà C1 xác định nguyên nhân không đồng ý ly hôn là do bà là người công giáo. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông C và bà C1 đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho ông Nguyễn Duy C2 được ly hôn bà Nguyễn Thị C1

[3] Về con chung: Ông C2 và bà C1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Duy B, sinh ngày 13/8/2005 và Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/11/2009. Cháu B đã trưởng thành phát triển bình thường, ông C2 và bà C1 không yêu cầu giải quyết. Cháu T đang học trong nhà dòng ở thành phố Hồ Chí Minh, hai bên thống

nhất bà C1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T sau khi ly hôn, do vậy giao cho bà C1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Ông C2 và bà C1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Ông C2 phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147,227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các điều 19, 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy C đối với bà Nguyễn Thị C1

2 Về hôn nhân: Ông Nguyễn Duy C được quyền ly hôn với bà Nguyễn Thị C1

3.Về con chung: Ông Nguyễn Duy C và bà Nguyễn Thị C1 xác nhận vợ chồng có 02 con chung và thỏa thuận nuôi dưỡng con sau khi ly hôn như sau: Đối với con tên Nguyễn Thị Duy B, sinh ngày 13/8/2005 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Bà Nguyễn Thị C1 được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 09/11/2009. Ông C và bà C1 không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Duy C phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ(Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai số 0001101, ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. ông C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND thành phố Bà Rịa;
- CCTHA dân sự thành phố Bà Rịa;
- UBND P. Phước Hưng, TP Bà Rịa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trọng Anh